

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/DS -ST
Ngày: 14-02- 2023
V/v: “ T/c hợp đồng dân sự
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Hoàng, ông Lê Viết Trọn;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dữ – Thư ký Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Chung– Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2022/TLST- DS ngày 02 tháng 8 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐXXST- DS ngày 14 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, địa chỉ: Số L đường H, Phường Y, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Xuân L; địa chỉ: Số K đường L, Phường Y, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T; địa chỉ: Số F, đường P, Phường Y, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/7/2022, các lời khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị B, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do quen biết với bà Nguyễn Thị T nên bà B có cho bà T vay tiền nhiều lần cụ thể:

- Ngày 27/6/2019 vay 40.000.000 đ (Bốn mươi triệu đồng);
- Ngày 23/12/2019 vay 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng);
- Ngày 02/02/2020 vay 150.000.000 đ (Một trăm năm mươi triệu đồng);
- Ngày 25/10/2020 vay 40.000.000 đ (Bốn mươi triệu đồng);
- Ngày 27/8/2021 vay 114.000.000 đ (Một trăm mười bốn triệu đồng);

Tổng cộng 05 lần vay với số tiền là 444.000.000 đ (Bốn trăm bốn mươi bốn triệu đồng). Kèm theo đơn khởi kiện bà B có nộp cho Tòa án 05 Giấy vay tiền (Bản chính); các bên không thỏa thuận về lãi; trong 05 Giấy vay tiền thì 04 giấy không ghi thời hạn trả nợ. Bà B đã thông báo cho bà T về việc trả nợ vay nhưng bà T không trả nên khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T trả số tiền nợ gốc là 444.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 40.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền nợ gốc là 404.000.000 đồng.

Tại văn bản đề ngày 13/8/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà T thừa nhận có vay tiền của bà B nhiều lần, với số tiền như bà B trình bày. Trong quá trình vay bà đã trả cho bà B được 40.000.000 đồng, bà T chấp nhận trả số tiền 404.000.000 đồng cho bà B nhưng bà yêu cầu Tòa án tính lại số tiền lãi bà đã trả cho bà B đến ngày 05/02/2022 là 277.800.000 đồng để trừ vào số nợ gốc vì bà cho rằng bà B cho vay với lãi suất cao. Nguyên đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia Tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị B. Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền gốc là 404.000.000 đồng. Buộc bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay 404.000.000 đồng; căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là: Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Nguyên đơn có đơn đề nghị không hòa giải, do vậy Tòa án tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không hòa giải;

Đại diện hợp pháp cho nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; căn cứ Điều 227 và Điều 228 Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 40.000.000 đồng, xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần này.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Nguyên đơn, bị đơn xác lập giao dịch dân sự với nhau từ năm 2019 đến năm 2021 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3]. Về yêu cầu của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 404.000.000 đồng (Bốn trăm lẻ bốn triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ: Căn cứ vào các chứng cứ là giấy vay tiền đề ngày 23/12/2019; ngày 02/02/2020; ngày 25/10/2020; ngày 27/8/2021 thể hiện bà T có vay của bà B số tiền 404.000.000 đồng, và tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 09/11/2022 bà T chấp nhận trả số tiền vay là 404.000.000 đồng cho bà B.

[4]. Xét ý kiến của bà T cho rằng bà B cho vay với lãi suất cao, bà đã trả cho bà B số tiền lãi 277.800.000 đồng, đề nghị Tòa án xem xét phần lãi suất vượt quá để trừ vào số tiền nợ gốc, nhưng bà T không xuất trình được chứng cứ chứng minh về việc trả lãi; tại các Giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp cũng không thể hiện các bên có thỏa thuận về trả lãi nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét. Do vậy cần buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền nợ gốc là 404.000 000 đồng.

[5]. Về án phí: Bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, 465, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền 404.000.000 đồng (*Bốn trăm lẻ bốn triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B đối với số tiền 40.000.000 đ (*Bốn mươi triệu đồng*).

3/ Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu 20.160.000đ (*Hai mươi triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm; bà B không phải chịu án phí. Trả lại cho bà B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.880.000đ (*Mười triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0005228 ngày 01/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nội nhân :

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS TP Bảo Lộc;
- Chi cục T.H.A.D.S.TP.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOA**

Trịnh Đình Tú

